

Số: 1433 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 06 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính (chuẩn hóa)
lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 27/TTr-KHCN ngày 17/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực khoa học và công nghệ còn hiệu lực trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức xây dựng, hoàn thiện các quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính tại Điều 1; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: KSTTHC, VX;
- Lưu: VT, KSTTHC2.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA NĂM 2024
LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(kèm theo Quyết định số **1433** /QĐ-UBND ngày **06** tháng **5** năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (54 TTHC)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND THÀNH PHỐ (17 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC		Căn cứ pháp lý
			Sở Khoa học và Công nghệ	UBND thành phố			Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
1	3.000259	Đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	13 ngày làm việc	12 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 405/QĐ-BKH-CN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Thi đua khen thưởng; - Nghị định 18/2024/NĐ-CP ngày 21/02/2024.
2	2.001143	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.	04 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 1573/QĐ-BKH-CN; - Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; - Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Thông tư số 07/2014/TT-BKH-CN;

									Thông tư số 03/2017/TT- BKHCN.
3	2.001137	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.	04 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 1573/QĐ-BKHCN - Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; - Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN; - Thông tư số 03/2017/TT- BKHCN.
4	1.002690	Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	04 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 1573/QĐ-BKHCN - Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; - Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN; - Thông tư số 03/2017/TT- BKHCN.
5	2.001643	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công	04 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 1573/QĐ-BKHCN - Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; - Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017;

		nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.							- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN; - Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN.
6	1.011816	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	19 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 1668/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định 76/2018/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN Bộ Khoa học và Công nghệ;
7	1.011812	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	19 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 1668/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định 76/2018/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN Bộ Khoa học và Công nghệ.
8	1.011814	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết	06 ngày làm việc	19 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả	- Quyết định 1668/QĐ-BKHCN của

		quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu			Công nghệ			kết quả	Bộ Khoa học và Công nghệ; -Luật chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN Bộ Khoa học và Công nghệ.
9	1.011815	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	19 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 1668/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Luật chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN Bộ Khoa học và Công nghệ.
10	2.001208	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	19 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 3727/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; -Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2007; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

11	2.001100	Thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	19 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 3727/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP.
12	2.001501	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 3727/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.
13	1.011937	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Phí: 250.000 Đồng (Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 2060/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều

						nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp)			của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ; 07/2022/QH15 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023; - Thông tư 31/2020/TT-BTC; - Thông tư 263/2016/TT-BTC.
14	1.011938	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	14 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Phí: 250.000 Đồng (Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp)	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 2060/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ - Luật số: 50/2005/QH11 - Luật Sở hữu trí tuệ; 36/2009/QH12 - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; 42/2019/QH14 - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ; 07/2022/QH15 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023; Thông tư 31/2020/TT-BTC, Thông tư

									263/2016/TT-BTC
15	1.011939	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	- 45 ngày làm việc - 30 ngày làm việc đối với tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (để phản hồi)	15 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 2060/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật số: 50/2005/QH11 - Luật Sở hữu trí tuệ; 36/2009/QH12 - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; 42/2019/QH14 - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ; 07/2022/QH15 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023; Thông tư 31/2020/TT-BTC, Thông tư 263/2016/TT-BTC
16	2.001179	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	- 06 ngày làm việc. - 14 ngày làm việc đối với trường hợp phải	- 04 ngày làm việc đối với. - 06 ngày làm việc đối với trường hợp phải thành lập	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 2405/QĐ-KHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ - Luật số: 107/2016/QH13; - Nghị định số 134/2016/NĐ-CP; - Thông tư 14/2017/TT-BKHCN, - Quyết định

			thành lập hội đồng.	hội đồng.					30/2018/QĐ-TTg
17	1.008377	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ	- 75 ngày đối với trường hợp tiếp nhận và bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (hạng I): + 15 ngày đối với Bộ KH&CN + 15 ngày đối với Bộ Nội vụ + 12 ngày đối với Sở Khoa học và Công nghệ + 33 ngày đối với UBND thành phố - 60 ngày đối với trường hợp tiếp nhận và bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (hạng II): + 15 ngày đối với đơn vị sự nghiệp công lập + 15 ngày đối với Bộ KH&CN + 12 ngày đối với Sở Khoa học và Công nghệ + 33 ngày đối với UBND thành phố - 45 ngày đối với trường hợp tiếp nhận và bổ nhiệm chức	- Trường hợp tiếp nhận và bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (hạng I, II): + Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ + Cơ quan tham mưu giải quyết TTHC: Sở Khoa học và Công nghệ. + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 763/QĐ-KHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Khoa học và Công nghệ; - Nghị định 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014; - Nghị định 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020;	

			danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV), nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III). 45 ngày đối với đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ (hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức)	thành phố - Trường hợp tiếp nhận và bổ nhiệm chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV), nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III). + Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ + Cơ quan tham mưu giải quyết TTHC: Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ + Cơ quan có thẩm				
--	--	--	--	--	--	--	--	--

				quyền quyết định: đơn vị sự nghệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ (hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức)				
--	--	--	--	---	--	--	--	--

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (37 TTHC)

ST T	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
1	2.002278	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 395/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định 13/2019/NĐ-CP.
2	2.001525	Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	05 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 395/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định 13/2019/NĐ-CP.
3	1.001786	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	15 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	3.000.000 đồng	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 2105/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư 03/2014/TT-BKHCN; - Thông tư 298/2016/TT-BTC; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN;

4	1.001747	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Lệ phí : 1.000.000 đồng (Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên của tổ chức KH&CN, thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập hoặc cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức KH&CN, thay đổi người đứng đầu của tổ chức KH&CN). Lệ phí: 1.500.000 đồng (Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 2105/QĐ-BKH&CN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư 03/2014/TT-BKH&CN; - Thông tư 298/2016/TT-BTC; - Thông tư số 15/2023/TT-BKH&CN.
---	----------	--	------------------	--------------------------	---	------------	--------------------------	---

					trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức KH&CN, thay đổi vốn của tổ chức KH&CN). Lệ phí: 2.000.000 đồng (Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động KH&CN của tổ chức KH&CN)			
5	1.001716	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	15 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	3.000.000 đồng	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 2105/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

								- Nghị định 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư 03/2014/TT-BKHCHN; - Thông tư 298/2016/TT-BTC; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCHN.
6	1.001677	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	10 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Lệ phí : 1.500.000 Đồng Đối với trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh Lệ phí : 1.000.000 Đồng Đối với trường hợp đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh, đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định 2105/QĐ-BKHCHN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư 03/2014/TT-BKHCHN; - Thông tư 298/2016/TT-BTC; - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCHN.

					diện, chi nhánh, thay đổi thông tin của tổ chức khoa học công nghệ ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh Lệ phí : 2.000.000 Đồng Đối với trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của văn phòng đại diện, chi nhánh			
7	1.006427	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	- TH đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1490/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

			hiện nhiệm vụ: 05 ngày làm việc; - TH không phải là đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ: 45 ngày làm việc.					- Nghị định 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư 02/2015/TT-BKHCN.
8	2.000079	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	45 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1490/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư 02/2015/TT-BKHCN.
9	2.002144	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi	45 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1490/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

		ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.						- Nghị định 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư 02/2015/TT-BKHCN.
10	2.002248	Cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Phí: 5.000.000 đến 10.000.000 Đồng. Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1573/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; - Nghị định 76/2018/NĐ-CP; - Thông tư 169/2016/TT-BTC.

					tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng			
11	2.002249	Cấp giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Phí: 3.000.000-5.000.000 Đồng Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1573/QĐ-BKH-CN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; - Nghị định 76/2018/NĐ-CP; - Thông tư 169/2016/TT-BTC.

					thiếu không dưới 03 (ba) triệu đồng.			
12	2.002544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	15 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1202/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định 31/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
13	2.002546	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	- 10 ngày làm việc - 15 ngày làm việc đối với trường hợp có thay đổi công nghệ, sản phẩm công nghệ hoặc quy mô sản lượng, tiêu	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1202/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định 31/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

			chuan chat lrong san pham					
14	2.002548	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	05 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1202/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định 31/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
15	2.002385	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	04 ngày	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1915/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật số Năng lượng Nguyên tử ngày 03/6/2008; - Nghị định 142/2020/NĐ-CP; - Thông tư 02/2022/TT-BKHCN; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN; - Thông tư 287/2016/TT-BTC.
16	2.002380	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng	20 ngày	Sở Khoa học và Công nghệ	Phí: 2.000.000 đồng	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1915/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ;

		thiết bị Xquang chẩn đoán trong y tế		Công nghệ	(Sử dụng thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị.) Phí : 2.000.000 Đồng (Sử dụng thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị.) Phí : 2.000.000 Đồng (Sử dụng thiết bị X-quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị) Phí : 3.000.000 Đồng (Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán			- Luật số Năng lượng Nguyên tử ngày 03/6/2008; - Nghị định 142/2020/NĐ-CP; - Thông tư 02/2022/TT-BKHCN; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN; - Thông tư 287/2016/TT-BTC
--	--	---	--	--------------	---	--	--	--

					thông thường: 3.000.000 đồng/ 1 thiết bị.) Phí : 3.000.000 Đồng (Sử dụng thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/ 1 thiết bị.) Phí : 5.000.000 Đồng (Sử dụng thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 5.000.000 đồng/ 1 thiết bị.) Phí : 8.000.000 Đồng (Sử dụng thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT			
--	--	--	--	--	---	--	--	--

					Scanner): 8.000.000 đồng/ 1 thiết bị.) Phí : 16.000.000 Đồng (Sử dụng hệ thiết bị PET/CT: 16.000.000 đồng/ 1 thiết bị.)			
17	2.002381	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	20 ngày	Sở Khoa học và Công nghệ	75% phí thẩm định cấp giấy phép mới.	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1915/QĐ-BKHCHN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật số Năng lượng Nguyên tử ngày 03/6/2008; - Nghị định 142/2020/NĐ-CP; - Thông tư 02/2022/TT-BKHCHN; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCHN; - Thông tư 287/2016/TT-BTC.
18	2.002382	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	08 ngày	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1915/QĐ-BKHCHN của Bộ Khoa học và Công nghệ;

								- Luật số Năng lượng Nguyên tử ngày 03/6/2008; - Nghị định 142/2020/NĐ-CP; - Thông tư 02/2022/TT-BKHCN; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN; - Thông tư 287/2016/TT-BTC.
19	2.002383	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	20 ngày	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1915/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật số Năng lượng Nguyên tử ngày 03/6/2008; - Nghị định 142/2020/NĐ-CP; - Thông tư 02/2022/TT-BKHCN; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN; - Thông tư 287/2016/TT-BTC.
20	2.002384	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	08 ngày	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1915/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật số Năng lượng Nguyên tử ngày 03/6/2008; - Nghị định 142/2020/NĐ-CP;

								- Thông tư 02/2022/TT-BKHCN; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN; - Thông tư 287/2016/TT-BTC.
21	2.002379	Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	08 ngày	Sở Khoa học và Công nghệ	Lệ phí: 200.000 đồng/1 chứng chỉ.	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1915/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật số Năng lượng Nguyên tử ngày 03/6/2008; - Nghị định 142/2020/NĐ-CP; - Thông tư 02/2022/TT-BKHCN; - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN; - Thông tư 287/2016/TT-BTC.
22	1.001770	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày	Sở Khoa học và Công nghệ	Phí: 1.000.000 đồng	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 819/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Khoa học công nghệ ngày 16/8/2013; - Nghị định 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư 03/2014/TT-BKHCN; - Thông tư 298/2016/TT-BTC.

23	1.001693	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Phí: 1.000.000 đồng	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 819/QĐ-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Khoa học công nghệ ngày 16/8/2013; - Nghị định 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư 03/2014/TT-BKHHCN; - Thông tư 298/2016/TT-BTC.
24	2.001209	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	05 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)	Lệ phí: 150.000 đồng	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 688/QĐ-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định 127/2007/NĐ-CP; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định 67/2009/NĐ-CP; - Thông tư 28/2012/TT-BKHHCN; - Thông tư 02/2017/TT-BKHHCN;

								- Thông tư 183/2016/TT-BTC.
25	2.001207	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	05 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)	Lệ phí: 150.000 đồng	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 688/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Luật chất lượng sản phẩm và hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định 127/2007/NĐ-CP; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định 67/2009/NĐ-CP; - Thông tư 28/2012/TT-BKHCN; - Thông tư 02/2017/TT-BKHCN; - Thông tư 183/2016/TT-BTC.
26	2.001277	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ	05 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục Tiêu chuẩn Đo	Lệ phí: 150.000 đồng	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 688/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

		Khoa học và Công nghệ ban hành		lường Chất lượng)				- Luật chất lượng sản phẩm và hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định 127/2007/NĐ-CP; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định 67/2009/NĐ-CP; - Thông tư 28/2012/TT-BKHCN; - Thông tư 02/2017/TT-BKHCN; - Thông tư 183/2016/TT-BTC.
27	2.002253	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân.	15 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 4098/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật chất lượng sản phẩm và hàng hóa ngày 21/11/2007; - Luật Thi đua khen thưởng; - Thông tư 06/2009/TT-BKHCN.
28	2.001269	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia		Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1662/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ;

				Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)				- Luật Chất lượng sản phẩm và hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định 74/2018/NĐ-CP; - Thông tư 27/2019/TT-BKHCN.
29	2.000212	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	05 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 2176/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Đo lường ngày 11/11/2011; - Nghị định 86/2012/NĐ-CP; - Nghị định 43/2017/NĐ-CP; - Thông tư 21/2014/TT-BKHCN.
30	1.000449	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	05 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 2176/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Đo lường ngày 11/11/2011; - Nghị định 86/2012/NĐ-CP; - Nghị định 43/2017/NĐ-CP;

								- Thông tư 21/2014/TT-BKHCN.
31	1.001392	Thủ tục miễn giám kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	05 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 3727/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định 74/2018/NĐ-CP; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP; - Nghị định 43/2017/NĐ-CP; - Thông tư 06/2020/TT-BKHCN.
32	2.001259	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	01 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 3727/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định 74/2018/NĐ-CP; - Nghị định 154/2018/NĐ-CP;

								- Nghị định 43/2017/NĐ-CP; - Thông tư 06/2020/TT-BKHCN.
33	2.002502	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	35 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố)	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 908/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định 95/2014/NĐ-CP.
34	1.011819	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	05 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Thông tin, Thống kê Khoa học	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1564/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định 11/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN; - Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN.

				và Công nghệ)				
35	1.011820	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh)	05 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Thông tin, Thống kê Khoa học và Công nghệ)	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1564/QĐ-BKH-CN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định 11/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 14/2014/TT-BKH-CN; - Thông tư số 11/2023/TT-BKH-CN.
36	1.011818	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	05 ngày làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Thông tin, Thống kê Khoa học và Công nghệ)	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 1564/QĐ-BKH-CN của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định 11/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 14/2014/TT-BKH-CN; - Thông tư số 11/2023/TT-BKH-CN.
37	1.012353	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi	Trong thời hạn 23 ngày làm việc.	Sở Khoa học và Công nghệ	Không quy định	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Quyết định số 156/QĐ-BKH-CN của Bộ Khoa học và Công nghệ;

		trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	- Đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, thời hạn giải quyết có thể kéo dài thêm 20 ngày.					- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.
--	--	--	--	--	--	--	--	--

